

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAM RANH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 02/6/2023
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH – TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Trần Quốc Hay

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Ngọc Hương

2. Bà Phan Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023; giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ánh N- Sinh năm: 1991

Địa chỉ 1: Tổ dân phố H, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Địa chỉ 2: Xóm N, thôn V, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2/ Bị đơn: Ông Hà Phương T - Sinh năm: 1988

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N trình bày: Bà Lê Thị Ánh N và ông Hà Phương T tự nguyện kết hôn năm 2013, được UBND xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyền số 01/2013 ngày 04/01/2013.

Quá trình chung sống: Thời gian đầu vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc. Nhưng từ năm 2015, cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do mâu thuẫn tiền bạc, không có sự đồng cảm, chia sẻ với nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Bà N1 và ông T đã sống ly thân từ tháng 01/2023 đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

Về con chung: Bà Lê Thị Ánh N và ông Hà Phương T có 02 con chung là Hà Lê Gia H, sinh ngày 07/11/2013 và Hà Lê Gia P, sinh ngày 24/3/2018. Bà N1 yêu cầu được nuôi cả 02 con chung sau ly hôn. Không yêu cầu ông Trung cấp d nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N1 không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hà Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Phương T và bà Lê Thị Ánh N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng từ năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Nay bà N yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, ông T đồng ý.

Về con chung: Ông Hà Phương T và bà Lê Thị Ánh N có 02 con chung là Hà Lê Gia H, sinh ngày 07/11/2013 và Hà Lê Gia P, sinh ngày 24/3/2018. Ông T yêu cầu giao con chung Hà Lê Gia P cho ông trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn và giao con Hà Lê Gia H cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án ý kiến của nguyên đơn, ý kiến đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N và bị đơn ông Hà Phương T vắng mặt, tuy nhiên bà N và ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ánh N và ông Hà Phương T tự nguyện kết hôn năm 2013, được UBND xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyền số 01/2013 ngày 04/01/2013 nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống: Cả bà N và ông T đều xác định thời gian đầu ông bà sống chung với nhau hạnh phúc, tuy nhiên vài năm trở lại đây ông T và bà N phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng

quan điểm, không có sự đồng cảm, chia sẻ với nhau. Từ tháng 01/2023, ông T và bà N không còn sống chung với nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, có kéo dài để sống chung thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ánh N đối với ông Hà Phương T.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn xác định có 02 (hai) con chung là Hà Lê Gia H, sinh ngày 07/11/2013 và Hà Lê Gia P, sinh ngày 24/3/2018. Bà N1 yêu cầu Tòa án giao cả 02 con cho bà trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Bị đơn ông Hà Quang T1 yêu cầu giao con Hà Lê Gia P cho ông trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn và giao con Hà Lê Gia H cho bà N1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn.

Xét thấy, sau khi ly hôn việc giao con chưa thành niên cho người nào trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là nhằm mục đích giúp con chưa thành niên phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần. Hiện nay, cháu Hà Lê Gia P chưa đủ 06 tuổi nên giao cho mẹ sẽ đảm bảo chăm lo đầy đủ hơn điều kiện sống và sinh hoạt, học tập; đối với cháu Hà Lê Gia H cũng có nguyện vọng muốn sống cùng với bà N1 sau khi bố mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N1 về việc giao 02 con chung cho bà trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyệt không yêu cầu ông Trung cấp d nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 4 Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 5 Khoản 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ánh N, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ánh N được ly hôn với ông Hà Phương T.

1.2. Về con chung: Giao 02 (hai) cháu Hà Lê Gia H, sinh ngày 07/11/2013 và Hà Lê Gia P, sinh ngày 24/3/2018 cho bà Lê Thị Ánh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn. Bà Nguyệt không yêu cầu ông Trung cấp d nuôi con.

Sau khi ly hôn vì quyền lợi của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con; người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Ánh N phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Bà N1 đã nộp 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai số AA/2022/0000485 ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh. Như vậy, bà Lê Thị Ánh N còn phải nộp 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Cam Ranh;
- Chi cục THADS thành phố Cam Ranh;
- UBND Hoà An, Phú Hoà, Phú Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Hay